

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 153/2021/HSPT

Ngày 21 - 6 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Anh Tuấn

2. Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu- Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2021/HSPT ngày 04/5/2021 đối với các bị cáo Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 88/2021/HSST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phan Xuân A**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04 tháng 4 năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Xuân H và bà Hà Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị B (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2016. Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020 cho đến nay - Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Thị Tuyết N**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1993 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn S, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 và bà Hoàng Thị B1; bị cáo chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 289/2015/HSST ngày 24, 25 tháng 9 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2020 đến ngày 08/7/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N:* Ông Phan Ngọc N2 – Luật sư thuộc văn phòng luật sư T– Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 69 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

- *Người chứng kiến:* Ông Tăng Xuân T1, sinh năm 1952, địa chỉ: Số 108/14 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

Theo nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm vụ án được tóm tắt như sau: Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy loại MDMA và Ketamine. Cả hai có quan hệ tình cảm với nhau, cùng thuê căn nhà tại địa chỉ số 159 đường N, phường T, Tp. B của bà Trần Thị Hoàng O từ tháng 02/2020 để chung sống với nhau. Việc thuê nhà do Phan Xuân A đứng ra ký hợp đồng với bà Trần Thị Hoàng O. Các bên thỏa thuận tiền cọc thuê nhà là 10.500.000 đồng tiền thuê nhà hàng tháng là 3.500.000 đồng . Tiền cọc, tiền thuê nhà hàng tháng do Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N góp chung để trả. Khi thuê nhà, Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N đã đưa chứng minh nhân dân cho bà Trần Thị Hoàng O để đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên tại Công an phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Khoảng 17 giờ ngày 28/6/2020, sau khi đi chơi từ huyện C, tỉnh Đắk Lắk về, Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N cùng Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị T về căn nhà tại địa chỉ số 159 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để nghỉ ngơi. Một lúc sau, có một người nam giới tên N3(không rõ nhân thân lai lịch), là bạn của N đến chơi mang theo ma túy. N3 rủ sử dụng ma túy thì Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N, Nguyễn Hữu Đ và Nguyễn Thị T đồng ý. Sau đó, Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị T và N3 tập trung tại phòng ngủ tiếp giáp phòng bếp của căn nhà, N3 lấy ra 04 (Bốn) viên thuốc lắc (MDMA) và 02 (Hai) chাম khay (Ketamine) bỏ lên 01 chiếc đĩa sứ màu trắng rồi “xào” ma túy Khay

nhuẩn ra, dùng thẻ nhựa chia ra các phần và dùng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn để cho mọi người hít ma túy vào cơ thể, còn thuốc lắc thì N3bẻ ra và chia cho mỗi người $\frac{1}{2}$ viên để uống. Sau đó, Phan Xuân A lấy điện thoại Iphone, màu xám của Phan Xuân A kết nối Bluetooth với 01 chiếc loa màu đen, hiệu Harman/Kardon mở nhạc để nghe phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi tất cả đang sử dụng ma túy thì có Nguyễn Thị H1 (bạn N) đến chơi. Thấy mọi người đang sử dụng ma túy thì H1 có tham gia hít khay nhưng không sử dụng thuốc lắc. Lúc này, N3 thấy ma túy gần hết nên đi về lấy thêm 02 (Hai) chাম khay đến và đưa cho N, N mang vào bỏ lên đĩa sứ trong phòng nhưng không ai sử dụng nữa mà đi ngủ.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 29/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột phối hợp với Công an phường T, Tp. B kiểm tra, phát hiện và thu giữ 02 (Hai) gói nylon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị T khai nhận là ma túy loại Ketamine, N3 đem đến để sử dụng, được niêm phong theo quy định pháp luật.

Qua điều tra xác định: Ngoài lần sử dụng ma túy bị phát hiện vào ngày 28/6/2020, thì vào đầu tháng 6/2020, Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N đã cho Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị H1, và đối tượng nam giới tên N3 sử dụng ma túy tại căn nhà địa chỉ số 159 đường N, phường T, thành phố B do Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N thuê. Sau khi sử dụng thì những người cùng sử dụng thống nhất góp tiền để trả tiền ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 587/GĐMT-PC09 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 02 (Hai) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 0,6895 gam, loại: Ketamine.

Tại bản án HSST số 88/2021/HS-ST ngày 22/3/2021 của TAND Tp. Buôn Ma Thuột quyết định:

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”;

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phan Xuân A **08 (Tám) năm tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/6/2020.

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tuyết N **07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/6/2020 đến ngày 08/7/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2021, bị cáo Phan Xuân A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 02/4/2021 bị cáo Trần Thị Tuyết N kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung lời khai, phần trình bày như ở cấp sơ thẩm và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đưa ra các chứng cứ buộc tội, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Mặc dù bị cáo Trần Thị Tuyết N cho rằng hành vi của mình không phạm tội, nhưng căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tuyết N.

Đối với mức hình phạt 08 năm tù của bị cáo Phan Xuân A, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất, vai trò của của bị cáo Phan Xuân A trong vụ án, bởi các bị cáo có vai trò như nhau, cùng thực hiện hành vi như nhau, tuy nhiên bị cáo Trần Thị Tuyết N có nhân thân xấu nhưng lại có mức án thấp hơn; do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo A nặng hơn bị cáo N là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận một phần kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo Phan Xuân A; căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phan Xuân A từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” và giữ nguyên các quyết định khác của Bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử công bố bản luận cứ bào chữa của Luật sư Phan Ngọc N2.

* Luận cứ bào chữa có nội dung cơ bản tóm tắt như sau:

Bị cáo N mặc dù khai là cùng góp tiền thuê nhà để ở cùng, nhưng không phải là chủ thể của hợp đồng thuê nhà nên không phải là người chiếm hữu hợp pháp, đề nghị Tòa án xem xét, đánh giá cho phù hợp;

Việc Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Anh, N về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" là chưa thỏa mãn mặt khách quan của Điều luật 256 Bộ luật hình sự, căn cứ điểm đ khoản 2 Mục II, Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/4/2003 và Nghị quyết này vẫn chưa có văn bản nào hủy bỏ, hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ nên vẫn được áp dụng khi khởi tố, truy tố và xét xử, so sánh giữa hướng dẫn trên đối với hành vi của hai bị cáo A, N thấy rằng có việc các bị cáo đã cùng với bạn bè cùng sử dụng trái phép chất ma túy, chứ không phải các bị cáo chứa chấp việc sử dụng ma túy như quy kết của bản án sơ thẩm; ngoài ra, tại điểm b tiết 7.3 mục 7 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 đã hướng dẫn về tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên do mâu thuẫn trong việc áp dụng nên để thống nhất việc áp dụng pháp luật, liên ngành TA, VKS, BCA, BTP đã thống nhất ban hành Thông tư liên tịch số 08, tại Điều 3 thông tư 08 đã bãi bỏ điểm b tiết 7.3 mục 7 phần II, có nghĩa là hướng dẫn này tại Thông tư liên tịch số 17 ngày 21/12/2007 không còn được áp dụng. Tuy nhiên, xét về mặt giá trị pháp lý, thì Nghị quyết của HĐPTAND tối cao là văn bản dưới luật có giá trị hướng dẫn được quy định tại luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1, Điều 12, Điều 21 và Điều 25 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Nghị Quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/4/2003 vẫn còn hiệu lực để áp dụng khi khởi tố, truy tố và xét xử và chưa có văn bản nào hủy bỏ, hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ. So sánh giữa Điều 198 Bộ luật hình sự 1999 và Điều 256 Bộ luật hình sự 2015 thì các dấu hiệu cấu thành tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" hoàn toàn không thay đổi và Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/4/2003 vẫn còn hiệu lực áp dụng, đồng thời, luận cứ còn thể hiện đối tượng tên N3 đã bị bắt tạm giam về hành vi trái phép chất ma túy, đề nghị HĐXX trích xuất bị can N3 đến phiên tòa với tư cách người liên quan, làm cơ sở để xét kháng cáo của bị cáo N, A, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, hủy án sơ thẩm và tuyên bố các bị cáo không phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo Phan Xuân A đồng ý với nội dung luận cứ bào chữa, không tranh luận gì thêm, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Tuyết N tranh luận: Bị cáo đồng ý với nội dung bản luận cứ bào chữa của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N không phạm tội

“Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, bởi lẽ bị cáo không phải là người thuê nhà, theo hướng dẫn tại điểm đ, khoản 2 mục II, Nghị quyết số 02 ngày 17/4/2003 của HĐTP, bị cáo là người sử dụng chứ không phạm tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy.

Vị đại diện Viện kiểm sát tranh luận với quan điểm bào chữa của Luật sư và tranh luận với bị cáo N: Căn cứ biên bản làm việc ngày 26/9/2020 (BL 54,55); biên bản xác minh ngày 29/6/2020 (BL 152) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hành vi của hai bị cáo N, A đã phạm vào tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", vì vậy, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Bồi hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 mục 7 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn một số quy định tại chương III, phần các tội phạm về ma túy của Bộ luật hình sự năm 1999 đã bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015; Nghị Quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/4/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, nay Bộ luật này đã thay thế bởi Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) mà không có hướng dẫn gì mới. Vì vậy, bị cáo A, N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội *“Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận: Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N đều là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy; từ tháng 02/2020, Phan Xuân A và Trần Thị Tuyết N cùng thuê căn nhà tại địa chỉ số 159 đường N, phường T, Tp. B của bà Trần Thị Hoàng O để cùng chung sống với nhau. Quá trình chung sống cả hai quản lý căn nhà trên. Vào khoảng 17 giờ ngày 28/6/2020 Phan Xuân A Trần Thị Tuyết N để mặc cho Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H1 và đối tượng nam giới tên N3(chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng trái phép chất ma túy, loại ma túy thuốc lắc (MDMA) và Khay (Ketamine) tại phòng ngủ tiếp giáp phòng bếp của căn nhà thuộc quyền quản lý của mình. Đến 08

giờ 30 phút ngày 29/6/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột phát hiện, thu giữ 0,6895 gam ma túy loại Ketamine. Phan Xuân A, Trần Thị Tuyết N, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T khai nhận là ma túy, loại Ketamine do N3 mang đến chưa sử dụng. Ngoài ra vào tháng 6/2020, Anh, N còn cho Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị H1, Nam sử dụng ma túy tại 159 đường N, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tuyết N, nhận thấy: Tại các bút lục số 54,55, 152 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị cáo N là người thuê căn nhà trên cùng với bị cáo Phan Xuân A, bị cáo N cho rằng bị cáo không phạm tội theo hướng dẫn tại điểm đ, khoản 2 mục II, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC vì bị cáo là người sử dụng ma túy, tuy nhiên hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 mục 7 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn một số quy định tại chương III, phần các tội phạm về ma túy của Bộ luật hình sự năm 1999 đã bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015; Nghị Quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/4/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, nay Bộ luật này đã thay thế bởi Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) mà không có hướng dẫn gì mới. Tại Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định bắt kể người nào đủ năng lực trách nhiệm hình sự có hành vi cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đều là chủ thể của tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, không loại trừ trường hợp đó là người nghiện ma túy, các bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi cho người nghiện ma túy là Đ, T, H1 và N3 sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm thuộc quyền quản lý của mình thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, TAND Tp. Buôn Ma Thuột xét xử các bị cáo phạm tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 BLHS 2015 là có căn cứ pháp lý, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Xuân A: Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo A có cung cấp thêm được tình tiết bị cáo có ông nội là Phan Văn V là liệt sỹ, gia đình có người có công với cách mạng nhưng bị cáo không cung cấp chứng minh được mối quan hệ huyết thống của mình đối với người có công.

Xét mức hình phạt của các bị cáo, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chưa đúng tính chất, vai trò của của bị cáo A; bởi vì hai bị cáo A, N đều có hành

vi, vị trí, vai trò cùng thực hiện tội phạm như nhau. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vai trò của bị cáo A tích cực hơn bị cáo N là không đúng thực tế diễn biến vụ án thể hiện trong hồ sơ vụ án, dẫn đến mức hình phạt bị cáo A cao hơn mức hình phạt của bị cáo N. Xét mức hình phạt (07) năm 3 tháng tù đối với bị cáo N là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có nhân thân xấu, trước đó đã bị TAND Tp. Buôn Ma Thuột xét xử về tội "Đánh bạc" nhưng không lấy đó làm bài học mà còn phạm tội mới. Riêng bị cáo A có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên mức hình phạt bị cáo A phải thấp hơn bị cáo N mới phù hợp. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Xuân A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm cung cấp thông tin, kết quả về việc điều tra, xác minh đối tượng tên N3. Ngày 17/6/2021 Tòa án cấp phúc thẩm nhận được Thông báo số 2758/TB-CQĐT ngày 14/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Buôn Ma Thuột về việc chưa nhận được kết quả trả lời của Ban khai thác mạng, Tổng Công ty hạ tầng mạng (VNTP Net) đối với việc thu giữ điện tín đối với đối tượng tên 3 để làm rõ hành vi của N3 trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Xuân A; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tuyết N;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 88/2021/HS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt.

[2] **Tuyên xử:** Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Xuân A **07 (Bảy) năm tù** về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/6/2020.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tuyết N **07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù** về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/6/2020 đến ngày 08/7/2020.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phan Xuân A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Trần Thị Tuyết N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng QCCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Phương